TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1182/2019/QĐ-PT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ VỀ VIỆC YÊU CẦU TUYÊN BỐ MỘT NGƯỜI MẤT TÍCH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần phiên họp phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: **Ông Phan Báu**

Thư ký phiên họp: **Bà Lê Thị Quý Ngân**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: **Ông Đỗ Văn Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 520 DSPT/2019/TLPT-VDS ngày 04 tháng 11 năm 2019, về việc: "Yêu cầu tuyên bố một người mất tích";

Do Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 352/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng nghị.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 925/2019/QĐPT-MPH ngày 22 tháng 11 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Ng C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: xã T T H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt)*.

Người bị yêu cầu: Bà Đặng T M Ph, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xã T T H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt)*.

Viện kiểm Sát kháng nghị: Theo quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Viện Trưởng Viện Kiểm Sát nhân dân huyện B.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Xét thấy ông Nguyễn Ng C rút đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với người bị yêu cầu là bà Đặng T M Ph và yêu cầu Tòa án đình chỉ xét đơn yêu cầu vì người yêu cầu tuyên bố mất tích trở về.

Tại Điều 2 Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 352/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng nghị một phần, vì lý do hoàn trả số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0022598 ngày 13/08/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B cho ông Nguyễn Ng C là không đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

Về hình thức:

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyên B trong hạn luật định hợp pháp theo quy định tại các Điều 371 và Khoản 2 Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung:

[1] Tại Điều 2 Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nêu trên đã quyết định:

Hoàn trả cho ông Nguyễn Ng C số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0022598 ngày 13/08/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, là không đúng quy định pháp luật. "Theo Khoản 5 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xét đơn yêu cầu theo Điểm c Khoản 2 Điều 366, Điều 382, Khoản 3 Điều 388, khoản 3 Điều 392, của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước".

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, đề nghị sửa một phần Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 352/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, theo hướng tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Nguyễn Ng C đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0022598 ngày 13/08/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, là có cơ sở chấp nhận.

[2] Những phần khác của Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 352/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, không liên quan đến việc xét kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm giải quyết việc dân sự không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 371 và Khoản 2 Điều 372, Điểm c Khoản 2 Điều 366, Điều 382, Khoản 3 Điều 388, khoản 3 Điều 392, của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 5 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án; Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm Sát nhân dân huyện B.
2. Sửa một phần Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự số 352/2019/QĐST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B.
3. Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Nguyễn Ng C đã nộp, theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0022598 ngày 13/08/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.
4. Các đương sự không phải nộp lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự.
5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS huyện B;
- TAND huyện B, Tp.HCM;
-VKSND huyện B, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Báu

Mẫu số 27-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1] **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……../……/QĐPT-……..[2]	*……, ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v[3] ……

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)[4].....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân..... tham gia phiên họp:
Ông (Bà) ……- Kiểm sát viên.

Ngày….. tháng …..năm…… , tại trụ sở Tòa án nhân dân…….. mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số..../….. /TLPT-.... ngày .... tháng ….năm….. về việc[5]

Do Quyết định[6] ……của Tòa án nhân dân .....
bị kháng cáo/kháng nghị.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số..../..../QĐPT-
…..ngày…. tháng…. năm….. , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[7].....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự[9].....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[10].....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....

- Người kháng cáo:[13].....

.....

- Viện kiểm sát kháng nghị:[14].....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[15]

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:(16).....

[1].....

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ(17).....

- (18) .....

.....

- (19).....

.....

- Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi rõ Tòa án nhân dân cấp cao nào (ví dụ: Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ "Số: 10/2018/QĐPT-LĐ").

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án giải quyết (ví dụ: "Tuyên bố một người mất tích", "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự",...)

(4) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(5) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(6) Ghi tên, số, ký hiệu ngày tháng năm của Quyết định bị kháng cáo, kháng nghị.

(7) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thìghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người

đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày.... tháng.... năm…..".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(9) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(14) Ghi số, ngày, tháng, năm của quyết định kháng nghị, người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Quyết định kháng nghị số ..../….. /…… ngày ... tháng ... năm .... của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội...).

(15) Ghi tóm tắt nội dung việc dân sự, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung, lý do kháng cáo, kháng nghị.

(16) Ghi nhận định của Hội đồng phúc thẩm về việc kháng cáo, kháng nghị và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(17) Ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(18) Ghi các quyết của Hội đồng phúc thẩm giải quyết việc dân sự.

(19) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí phúc thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí phúc thẩm thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí phúc thẩm.